

Số: 625/QĐ-THPTTBBD

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai thực hiện dự toán thu- chi ngân sách Quý III năm 2026 của Trường THPT Tân Bình – Bình Dương

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 03 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ tài chính về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 03 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước ;

Căn cứ Quyết định số 2801/QĐ-SGD&ĐT ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026.

Căn cứ Quyết định số 503/QĐ-SGD&ĐT ngày 09 tháng 02 năm 2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 (lần 01);

Căn cứ Quyết định số 791/QĐ-SGD&ĐT ngày 17 tháng 03 năm 2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 (lần 02);

Căn cứ Quyết định số 984/QĐ-SGD&ĐT ngày 06 tháng 04 năm 2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về việc điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 (lần 03);

Căn cứ Quyết định số 3759/QĐ-SGD&ĐT ngày 06 tháng 08 năm 2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 (lần 11);

Căn cứ nhu cầu chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp, các khoản hoạt động thực tế quý III năm 2026 và 9 tháng đầu năm 2026 của trường THPT Tân Bình – Bình Dương.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai thực hiện dự toán thu – chi ngân sách quý III năm 2026 và công khai 9 tháng đầu năm của Trường THPT Tân Bình – Bình Dương (Kèm đối chiếu dự toán quý III năm 2026 và biểu số 75).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Hiệu trưởng, Kế toán và các bộ phận có liên quan chịu trách thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Như Điều 3;
- Website trường;
- Lưu VT;



HIỆU TRƯỞNG


Nguyễn Thế Cường

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH
QUÝ III (TỪ THÁNG 07 ĐẾN THÁNG 09 NĂM 2026)
(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 03 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Trường THPT Tân Bình - Bình Dương công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 03 tháng như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (3 tháng, năm) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Học phí cấp bù	410.400.000	410.400.000	100%	
	Phí...				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp....				
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	410.400.000	410.480.970	100%	
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
	Phí...				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				

TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (3 tháng, năm) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
I	Nguồn ngân sách trong nước				
-	<i>Nhiệm vụ chuyển đổi số</i>				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	4.743.456.448	4.392.319.681	93%	0
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	4.743.456.448	4.392.319.681	93%	
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				

TP Hồ Chí Minh, Ngày tháng 10 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị

(Chữ ký, dấu)



Nguyễn Thế Cường

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH
09 THÁNG

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 03 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Trường THPT Tân Bình - Bình Dương công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách (09 tháng) như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 9 tháng	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (9 tháng) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Học phí cấp bù	1.307.520.000	1.296.000.000	99%	
	Phí ...				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp....				
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	980.640.000	983.983.771	100%	
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo				
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	14.230.369.344	11.252.008.911	79%	

TP Hồ Chí Minh, Ngày tháng 10 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị
(Chữ ký, dấu)



Nguyễn Thế Cường

BẢNG ĐỐI CHIẾU DỰ TOÁN KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẰNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Quý 3 /Năm 2026

Mã nguồn ngân sách nhà nước	Mã ngành kinh tế	Mã chương trình mục tiêu, dự án	DT năm trước chuyển sang	Dự toán giao đầu năm	DT năm nay		DT được sử dụng trong năm	DT đã sử dụng		DT giữ lại	DT còn lại
					Trong kỳ	Lũy kế đến kỳ báo cáo		Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo		
A	B	C	1	2	3	4	5=1+4	6	7	8	9=5-7
12	074	00000	0	8.396.205.000	23.360.000	8.897.325.000	8.897.325.000	499.629.461	5.633.979.539	0	3.263.345.461
14	074	00000	93.794.175	9.634.500.792	0	9.634.500.792	9.728.294.967	3.892.690.220	5.618.029.372	0	4.110.265.595
18	074	00000	0	442.000.000	0	442.000.000	442.000.000	0	0	0	442.000.000
Cộng:			93.794.175	18.472.705.792	23.360.000	18.973.825.792	19.067.619.967	4.392.319.681	11.252.008.911	0	7.815.611.056
Phần KBNN ghi:											

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 1 tháng 10 năm 2026

Kế toán

Kiểm soát

(Ký tên)

(Ký tên, đóng dấu)

Ut Tran Thi

Người ký: Nguyễn Thị Mỹ Dung
Ngày ký: 01/10/2026 13:24:48
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: KBNN Khu vực II-PGD số 20

ĐƠN VỊ GIAO DỊCH

Ngày 1 tháng 10 năm 2026

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi họ tên)

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Người ký: Hà Thị Thủy
Ngày ký: 01/10/2026 09:50:46
Đơn vị: Trường Trung học phổ thông Tân Bình - Bình Dương

Người ký: Nguyễn Thế Cường
Ngày ký: 01/10/2026 10:32:13
Đơn vị: Trường Trung học phổ thông Tân Bình - Bình Dương

Mã chương: 422

Đơn vị: Trường Trung học phổ thông Tân Bình - Bình Dương

Mã ĐVQHNS: 1015604

Mã cấp NS: 2

Kho bạc Nhà nước giao dịch: KBNN Khu vực II-PGD số 20

Mã hồ sơ: SD26-1015604-0146007349

Người ký: Nguyễn Thị Mỹ Dung
Ngày ký: 01/10/2026 13:24:31
Chức danh: Kế toán trưởng
SD26-1015604-0146007349
20
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ đối chiếu xác nhận số dư

Mẫu số 28

Ký hiệu: 02a-SDKP/ĐVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Quý 3 /Năm 2026

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn ngân sách nhà nước	Mã ngành kinh tế	Mã nội dung kinh tế	Mã chương trình mục tiêu, dự án	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
Lương theo ngạch, bậc	12	074	6001	00000	0	0	-91.642.592	2.164.079.968	-91.642.592	2.164.079.968
Phụ cấp chức vụ	12	074	6101	00000	0	0	-2.875.494	46.264.506	-2.875.494	46.264.506
Phụ cấp ưu đãi nghề	12	074	6112	00000	0	0	214.879.842	840.043.134	214.879.842	840.043.134
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	12	074	6113	00000	0	0	-283.500	6.034.500	-283.500	6.034.500
Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	12	074	6115	00000	0	0	-15.877.906	329.914.276	-15.877.906	329.914.276
Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	12	074	6157	00000	0	0	0	6.000.000	0	6.000.000
Chi khác	12	074	6299	00000	0	0	0	3.150.000	0	3.150.000
Bảo hiểm xã hội	12	074	6301	00000	0	0	-19.802.140	432.607.173	-19.802.140	432.607.173
Bảo hiểm y tế	12	074	6302	00000	0	0	-3.494.495	76.342.442	-3.494.495	76.342.442
Kinh phí công đoàn	12	074	6303	00000	0	0	-2.096.171	50.922.641	-2.096.171	50.922.641
Bảo hiểm thất nghiệp	12	074	6304	00000	0	0	-1.164.835	25.447.480	-1.164.835	25.447.480
Các khoản đóng góp khác	12	074	6349	00000	0	0	-582.415	12.723.740	-582.415	12.723.740

Chi khác	12	074	6449	00000	0	0	0	21.949.200	0	21.949.200
Tiền điện	12	074	6501	00000	0	0	0	49.774.496	0	49.774.496
Tiền vệ sinh, môi trường	12	074	6504	00000	0	0	0	972.000	0	972.000
Vật tư văn phòng khác	12	074	6599	00000	0	0	0	36.241.600	0	36.241.600
Cước phí điện thoại (không bao gồm khoán điện thoại), thuê bao đường diên thoại, fax	12	074	6601	00000	0	0	223.167	491.383	223.167	491.383
Thuê bao kênh vệ tinh, thuê bao cáp truyền hình, cước phí Internet, thuê đường truyền mạng	12	074	6605	00000	0	0	5.016.000	15.048.000	5.016.000	15.048.000
Tiền vé máy bay, tàu, xe	12	074	6701	00000	0	0	0	3.980.000	0	3.980.000
Phụ cấp công tác phí	12	074	6702	00000	0	0	0	7.590.000	0	7.590.000
Tiền thuê phòng ngủ	12	074	6703	00000	0	0	0	600.000	0	600.000
Khoán công tác phí	12	074	6704	00000	0	0	4.200.000	12.600.000	4.200.000	12.600.000
Thuê phương tiện vận chuyển	12	074	6751	00000	0	0	0	27.000.000	0	27.000.000
Thuê thiết bị các loại	12	074	6754	00000	0	0	0	700.000	0	700.000
Chi phí thuê mướn khác	12	074	6799	00000	0	0	0	21.000.000	0	21.000.000
Tài sản và thiết bị chuyên dùng	12	074	6905	00000	0	0	0	1.650.000	0	1.650.000
Các thiết bị công nghệ thông tin	12	074	6912	00000	0	0	0	8.950.000	0	8.950.000
Tài sản và thiết bị văn phòng	12	074	6913	00000	0	0	0	5.800.000	0	5.800.000
Đường điện, cấp thoát nước	12	074	6921	00000	0	0	0	3.250.000	0	3.250.000
Chi khác	12	074	7049	00000	0	0	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000
Mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin	12	074	7053	00000	0	0	0	15.000.000	0	15.000.000
Chi các khoản phí và lệ phí	12	074	7756	00000	0	0	0	3.573.000	0	3.573.000
Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ	12	074	7766	00000	0	0	410.400.000	1.296.000.000	410.400.000	1.296.000.000
Chi các khoản khác	12	074	7799	00000	0	0	0	105.550.000	0	105.550.000
Lương theo ngạch, bậc	14	074	6001	00000	0	0	1.327.469.216	1.327.469.216	1.327.469.216	1.327.469.216
Phụ cấp chức vụ	14	074	6101	00000	0	0	28.302.027	28.302.027	28.302.027	28.302.027
Phụ cấp ưu đãi nghề	14	074	6112	00000	0	0	515.263.950	515.263.950	515.263.950	515.263.950
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	14	074	6113	00000	0	0	3.699.000	3.699.000	3.699.000	3.699.000
Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	14	074	6115	00000	0	0	212.020.618	212.020.618	212.020.618	212.020.618

Bảo hiểm xã hội	14	074	6301	00000	0	0	265.761.417	265.761.417	265.761.417	265.761.417
Bảo hiểm y tế	14	074	6302	00000	0	0	46.899.074	46.899.074	46.899.074	46.899.074
Kinh phí công đoàn	14	074	6303	00000	0	0	31.238.373	31.238.373	31.238.373	31.238.373
Bảo hiểm thất nghiệp	14	074	6304	00000	0	0	15.633.025	15.633.025	15.633.025	15.633.025
Các khoản đóng góp khác	14	074	6349	00000	0	0	7.816.511	7.816.511	7.816.511	7.816.511
Chi khác	14	074	6449	00000	0	0	1.438.587.009	3.163.926.161	1.438.587.009	3.163.926.161
Cộng:					0	0	4.392.319.681	11.252.008.911	4.392.319.681	11.252.008.911
Phần KBNN ghi:										

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 1 tháng 10 năm 2026

Kế toán

Kiểm soát

(Ký tên)

(Ký tên, đóng dấu)

Ut Tran Thi

Người ký: Nguyễn Thị Mỹ Dung
Ngày ký: 01/10/2026 13:24:31
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: KBNN Khu vực II-PGD số 20

Nguyễn Thị Mỹ Dung

ĐƠN VỊ GIAO DỊCH

Ngày 1 tháng 10 năm 2026

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi họ tên)

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Người ký: Hà Thị Thùy
Ngày ký: 01/10/2026 09:50:52
Đơn vị: Trường Trung học phổ thông Tân Bình - Bình Dương

Hà Thị Thùy

Người ký: Nguyễn Thế Cường
Ngày ký: 01/10/2026 10:32:22
Đơn vị: Trường Trung học phổ thông Tân Bình - Bình Dương

Nguyễn Thế Cường